

Bản án số: 38/2023/DS-ST

Ngày 20.4.2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYỀN- TỈNH QUẢNG NAM

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị M Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Sơn.

2. Bà Phạm Thị Cang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 109/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn M, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; Cùng trú tại: Thôn Ch, xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Phước Kh, 1983 Địa chỉ: Thôn M, xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1974 và bà Trương Thị Th, sinh năm 1984; Cùng trú tại: Tổ 16, thôn Ph, xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Phước Kh trình bày:

Do có nhu cầu về tài chính nên vào ngày 6 tháng 6 năm 2011 (âm lịch), vợ chồng ông Trần Văn H và bà Trương Thị Th có mượn của vợ chồng ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị B số tiền 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*), với lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng là 2% / 1 tháng. Để tạo niềm tin, vợ chồng ông Trần Văn H và

bà Trương Thị Th có giao cho vợ chồng ông bà 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất – số 1348 QDSĐ/DT của hộ Võ Thị H1. Mặc dù vợ chồng ông M đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H bà Th trả lại số tiền gốc và tiền lãi. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại vợ chồng ông Trần Văn H và bà Trương Thị Th luôn tìm cách tránh né, không trả lại cho vợ chồng ông số tiền gốc và tiền lãi nói trên. Do đó vợ chồng ông M khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn H và bà Trương Thị Th trả lại cho vợ chồng ông số tiền gốc là 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng*), và lãi tính từ ngày 06/06/2011 (Âm lịch) đến ngày 06/06/2022 (âm lịch) lãi suất 2% (thỏa thuận 1.5 triệu/ tháng) $1.500.000 \times 132 \text{ tháng} = 198.000.000 \text{ đồng}$. Trong 11 năm qua đã trả được 45.500.000 đồng tiền lãi, số tiền còn lại phải trả lại $198.000.000 - 45.500.000 = 152.500.000 \text{ đồng}$ và tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng Tổng cộng là: 232.500.000đ (*Hai trăm ba mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi suất 1,6%/ 1 tháng và yêu cầu tính lãi đến thời điểm khởi kiện, như vậy tiền lãi là 168.960.000 đồng (132 tháng) trừ đi cho số tiền lãi đã trả là 45.500.000 đồng, số tiền lãi còn lại yêu cầu phải trả là 123.460.000 đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Văn H và bà Trương Thị Th trình bày:

Năm 2005 (không nhớ cụ thể ngày tháng) vợ chồng ông bà có vay của ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị B số tiền là 50.000.000 đ (*năm mươi triệu đồng*), hai bên thỏa thuận tiền lãi là 2.500.000/tháng (5%/ 1 tháng). Hng tháng ông bà trả tiền lãi bằng tiền mặt chứ hai bên không viết giấy tờ theo dõi. Vợ chồng ông trả lãi 5% tới năm 2008 thì không trả được lãi nữa nên ông M và bà B cộng dồn tiền lãi vào tiền gốc và buộc vợ chồng ông phải viết giấy mượn tiền với số tiền là 80.000.000 đồng. Thời điểm viết giấy là ngày 06/6/2011 âm lịch. Tại thời điểm năm 2011, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Đến năm 2015 vợ chồng ông trả số tiền 15.000.000 đồng, đến năm 2022, vợ chồng ông trả số tiền 3.000.000 đồng. Nay ông M và bà B khởi kiện yêu cầu ông bà phải trả số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và nợ lãi là 123.460.000 đồng: Ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng hiện nay ông bà gặp nhiều khó khăn, đang vỡ nợ nên xin được giảm lãi và xin được trả nợ gốc 80 triệu và nợ lãi 30 triệu, trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả gốc trước rồi sẽ trả lãi sau.

Ngoài ra, tại thời điểm vay tiền, ông bà có giao cho ông M và bà B 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, nay ông M và bà B đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông bà không yêu cầu gì.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, ông H và bà Th trình bày có vay của ông M bà B số tiền 40.000.000 đồng, sau đó do không trả được lãi nên cộng dồn lãi vào gốc và viết giấy nợ 80.000.000 đồng. Tuy nhiên ông H bà Th không có chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Sau đó ông H và bà Th có thừa nhận số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và nợ lãi là 123.460.000 đồng, điều đó chứng tỏ nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận buộc ông H và bà Th phải trả cho ông M bà B số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 06/7/2011 (nhằm ngày 06/6/2011 âm lịch), ông Trần Văn H và bà Trương Thị Th có vay của vợ chồng ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị B số tiền 80.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy mượn tiền. Theo giấy mượn tiền thì số tiền cho vay là 80.000.000 đồng, lãi suất các bên không thỏa thuận, các bên cũng không xác định thời hạn vay mà chỉ ghi: “vợ chồng tôi hứa thời gian sau hai vợ chồng tôi sẽ hoàn trả”. Theo nguyên đơn trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất tại thời điểm vay là 2%/1 tháng nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Bị đơn trình bày lãi suất do hai bên thỏa thuận là 5%/ 1 tháng nhưng không có chứng cứ gì chứng minh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà Th đã trả được 45.500.000 đồng tiền lãi, trong đó vào năm 2015 trả số tiền 15.000.000 đồng, năm 2022 trả số tiền 3.000.000 đồng (*không nhớ rõ thời gian cụ thể*). Theo nguyên đơn trình bày, trong 11 năm qua, ông H và bà Th đã trả được tiền lãi là 45.500.000 đồng, gần nhất là năm 2022. Bị đơn thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về thời gian trả nợ và số nợ đã trả.

Như vậy hợp đồng vay tiền giữa bên vay là ông Nguyễn M, bà Nguyễn Thị B và bên cho vay là ông Trần Văn H, bà Trương Thị Th là hợp đồng vay có lãi suất không xác định thời hạn. Hợp đồng được xác lập vào năm 2011, không xác định thời hạn trả nợ. Đến tháng 8 năm 2022, ông M bà B có gửi thư thông báo yêu cầu ông H bà Th trả nợ. Năm 2022, ông H bà Th đã trả cho vợ chồng ông M số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó ông H bà Th không trả nợ như yêu cầu nên hai bên phát sinh tranh chấp. Như vậy mặc dù hợp đồng lập năm 2011 nhưng hiện nay đang được thực hiện, hình thức và nội

dung của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

Ông H và bà Th thừa nhận có vay của ông M và bà B số tiền 80.000.000 đồng và thống nhất trả nợ gốc. Như vậy yêu cầu khởi kiện trả nợ gốc của ông M và bà B là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Về lãi suất: Hợp đồng không xác định rõ về lãi suất nhưng trong quá trình giải quyết, hai bên đều thừa nhận có trả lãi nhưng tranh chấp về mức lãi suất. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông H và bà Th thống nhất với mức lãi suất 1,6%/1 tháng theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 1,6%/ 1 tháng (tương đương với 19,2%/ 1 năm) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên HĐXX chấp nhận. Đồng thời nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất đến ngày 06/7/2022 (132 tháng), yêu cầu này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn H và bà Trương Thị Th phải trả ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị B số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi của 11 năm (132 tháng) là 168.960.000 đồng trừ đi cho số tiền lãi đã trả 45.500.000 đồng, số tiền lãi còn lại yêu cầu phải trả là 123.460.000 đồng. Tổng cộng là 203.460.000 đồng.

Đồng thời ông H và bà Th còn phải chịu tiền lãi kể từ ngày 21/4/2023 theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong số nợ gốc.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông H và bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 468, 469, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị B.

Buộc ông Trần Văn H và bà Trương Thị Th phải trả ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị B số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 123.460.000 đồng. Tổng cộng là 203.460.000 đồng (*hai trăm lẻ ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày 21/4/2023, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn H và bà Trương Thị Th phải chịu 10.173.000 đồng (*mười triệu một trăm B mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.800.000 đồng (*năm triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 2226 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi Hình án dân sự huyện Duy Xuyên.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hình theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND Duy Xuyên;
- Chi cục THADS Duy Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thị M Phượng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa